

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 165/2023/DS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

“V/v tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Thẩm phán:

- Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Văn Nhỏ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/9 và 20/9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2023/TLPT-DS, ngày 27/7/2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST, ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2023/QĐPT-DS ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1939. Địa chỉ: Khóm N, phường L, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đồng K, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh Đ1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khóm N, phường L, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hà T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 1, đường P, khu vực Y, phường L, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Lê Thị L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khóm B, Phường L, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

2/. Ông Lê Thành T1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khóm B, Phường L, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

3/. Bà Lê Thị H, sinh năm 1974. (vắng mặt)

4/. Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1977. (vắng mặt)

5/. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1989. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm N, phường L, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Anh Lê Thanh Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn K kiện của nguyên đơn và ý kiến của ông Trương Đ K trình bày:

Ông Lê Thanh T3, sinh năm 1971, không vợ, con, không đăng ký kết hôn, ông T3 chết ngày 15/10/2014 không Đ1 lại di chúc. Khi còn sống ông T3 có diện tích đất 1.874,8m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Thanh T3 đứng tên, bà Nguyễn Thị Đ là mẹ ruột của ông T3, thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nên yêu cầu được hưởng di sản của ông T3 theo pháp luật. Tuy nhiên, anh Lê Thanh Đ1 (là con ruột của Lê Thị T2 và ông Hồ Văn U) là cháu ngoại của bà Nguyễn Thị Đ không Đ ý, anh Đ1 cho rằng khi còn sống ông T3 nhận anh làm con nuôi và có đăng ký khai sinh.

Nay, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu được nhận di sản thừa kế của ông Lê Thanh T3 đối với diện tích 1.874,8m² theo quy định pháp luật và yêu cầu anh Lê Thanh Đ1 giao trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Thanh T3.

Theo đơn phản tố của bị đơn và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Võ Hà T trình bày:

Ông Lê Thanh T3, sinh năm 1971 chết ngày 15/10/2014 không Đ1 lại di chúc nên P sinh quyền thừa kế về tài sản, khi còn sống ông T3 có diện tích đất 1.874,8m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T3 đứng tên và căn nhà bà Nguyễn Thị Đ đang quản lý, Lê Thanh Đ1 là con nuôi của ông T3 theo Giấy khai sinh số 429/2005, Lê Thanh Đ1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nên yêu cầu được hưởng ½ di sản của ông T3 gồm diện tích đất 1.874,8m² và căn nhà.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, ông Lê Thành T1, bà Lê Thị H và ông Lê Thanh H1 thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Tấn P (chết năm 2006) chung sống với nhau có 11 người con chung gồm: Lê Thị H2 (chết sau ông P), Lê Thị L (chết lúc nhỏ), Lê Thị L (tên thường gọi là Lan), sinh năm 1959, Lê Thanh T4 (liệt sĩ, không vợ con), Lê Thành C, sinh năm 1963, Lê Thanh C1 (chết sau ông P), Lê Thanh T3, sinh năm 1971 (chết năm 2014), Lê Thị H, sinh năm 1974, Lê Thanh H1, sinh năm 1977, Lê Thị T2, sinh năm 1989, Lê Thanh N (chết lúc nhỏ).

Bà Lê Thị L, ông Lê Thành T1, bà Lê Thị H và ông Lê Thanh H1 xác định căn nhà mà Lê Thanh Đ1 yêu cầu chia thừa kế là của ông Lê Tấn P và bà

Nguyễn Thị Đ, khi ông P còn sống Nhà nước có hỗ trợ một phần Đ1 xây nhà làm nơi thờ cúng liệt sĩ, phần còn lại cha mẹ tôi bỏ tiền vào T2 Đ1 xây căn nhà vào năm 2002, nhà không phải của ông Lê Thanh T3. Trong trường hợp tòa án phân chia căn nhà thì yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Bà Lê Thị T2 trình bày: Ông Lê Thanh T3 lúc còn sống có nhận Lê Thanh Đ1 làm con nuôi, do đó Lê Thanh Đ1 yêu cầu chia thừa kế di sản của Lê Thanh T3 là phù hợp, trường hợp không phân chia căn nhà cho Lê Thanh Đ1 thì bà yêu cầu được chia di sản thừa kế là căn nhà của cha tôi (ông P) Đ1 lại theo quy định pháp luật.

Từ những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2023/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, quyết định:

1/. Chấp nhận yêu cầu K kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 1.874,8m².

2/. Bà Nguyễn Thị Đ được hưởng di sản thừa kế do ông Lê Thanh T3 Đ1 lại là diện tích đất 1.874,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Thanh T3, đất tọa lạc tại khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Phần I (vị trí I): Diện tích 1.577,8m², thuộc 1 phần thửa số 44, tờ bản đồ số 33 (theo bản đồ số 378) và thuộc thửa 0758, tờ bản đồ số 13 (bản đồ 299) do ông Lê Thanh T3 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có số đo tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất Trương Quốc Trung cạnh dài 60,75m;

Hướng Tây giáp đất PH1 Hòa Hiệp cạnh dài 30,02m + 27,28m

Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Đ, một phần giáp đất ông Trương Quốc Trung, một phần giáp đất ông Lê Văn Ngưng cạnh dài 11,51m + 6,7m + 6,55m + 2,67m + 1,08m;

Hướng Bắc giáp đất PH1 Hòa Hiệp cạnh dài 24,04m

Phần II (vị trí II): Diện tích đất 297,1m², thuộc 1 phần thửa số 44, tờ bản đồ số 33 (theo bản đồ 378) và thuộc thửa số 0911, tờ bản đồ số 13 (bản đồ 299) do ông Lê Thanh T3 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có số đo tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất Lê Văn Ngưng cạnh dài 46,59m;

Hướng Tây giáp Chùa T3 Phước Tự cạnh dài 46,88m

Hướng Nam giáp phần đất thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông cạnh dài 6,70m;

Hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Đ đang quản lý cạnh dài 6,70m

3/. Giao cho bà Nguyễn Thị Đ được sở hữu toàn bộ căn nhà (nhà chính diện tích 221,88m² và phụ diện tích 123,82m²) gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu.

4/. Bà Nguyễn Thị Đ đang quản lý diện tích đất 1.874,8m² và căn nhà chính, nhà phụ nên được tiếp tục sử dụng, bà Đ được quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

5/. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà.

6/. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm giao trả lại cho bà Lê Thị L, ông Lê Thanh T1, bà Lê Thị H, ông Lê Thanh H1 và bà Lê Thị T2 phần di sản được chia mỗi người 38.042.000 Đ.

7/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh Đ1 yêu cầu được chia di sản thừa kế là ½ căn nhà.

8/. Buộc anh Lê Thanh Đ1 có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị Đ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Thanh T3, số 07459 do UBND huyện Giá Rai cấp ngày 09/10/2003 và số 07840 do UBND huyện Giá Rai cấp ngày 08/9/2004.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/7/2023, bị đơn anh Lê Thanh Đ1 có đơn kháng cáo không Đ ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của anh.

Ngày 18/7/2023, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu có quyết định số 02/QĐ-VKS-DS, về việc kháng nghị phúc thẩm theo hướng hủy Bản án số 39/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với lý do:

1- Đơn yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh Đ1 chia ½ di sản thừa kế gồm diện tích đất 1.874,8m² và giá trị căn nhà. Nhưng thẩm phán chỉ thụ lý yêu cầu phản tố chia di sản là căn nhà trên thửa đất và Bản án sơ thẩm tuyên “Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh Đ1 yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà, nên vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự (quyền yêu cầu K kiện của đương sự)

2- Về án phí: Bản án sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh Đ1, nhưng buộc anh Đ1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 11.412.000đ là không đúng quy định điểm a khoản 7, điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Nhưng thẩm phán có quyết định sửa chữa bản án, anh Lê Thanh Đ1 phải chịu án phí 300.000 Đ. Việc sửa chữa bản án trên không đúng quy định Điều 268 bộ luật Tố tụng dân sự (*khoản 1 Điều 268 sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp P hiện lỗi rõ ràng về chính tả, số liệu do nhầm lẫn*)

3- Ông Lê Thanh Đ1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị di sản của ông T3 Đ1 lại là diện tích 1.874,8m² và giá trị căn nhà nhưng Bản án sơ thẩm bác yêu cầu phản tố ông Đ1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà nhưng buộc ông Đ1 chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 5.628.000đ là không đúng quy định khoản 1, khoản 2 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS, về việc kháng nghị phúc thẩm theo hướng hủy Bản án số 39/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn anh Lê Thanh Đ1 giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Hóa đơn bán hàng; đơn xin xác nhận; giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học; đơn xin nhập học; biên bản cung cấp thông tin; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; sổ học bạ tên Lê Thanh Đ1 (tất cả giấy tờ đều photo); đơn xin xác nhận ngày 23/8/2023 và đơn đề nghị xác minh ngày 24/8/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa P biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội Đ xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST, ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến P biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Thanh Đ1 và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong thời hạn luật định nên được Hội Đ xét xử xem xét theo trình tự tố tụng dân sự phúc thẩm.

Về việc vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị L, ông Lê Thanh T1, bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định.

[2] Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án.

[2.1] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

Đơn yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh Đ1 yêu cầu chia thừa kế $\frac{1}{2}$ giá trị di sản của ông Lê Thanh T3 Đ1 lại gồm diện tích đất 1.874,7m² và căn nhà nhưng thẩm phán chỉ thụ lý yêu cầu phản tố là căn nhà và bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh Đ1 yêu cầu chia di sản thừa kế $\frac{1}{2}$ căn nhà là chưa thụ lý giải quyết hết yêu cầu của đương sự, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố dân dân sự.

Đối với phần án phí và chi phí tố tụng, xét thấy Bản án sơ thẩm đã tuyên anh Lê Thanh Đ1 phải chịu án phí có giá ngạch là 11.412.000 Đ, nhưng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyết định sửa chữa bản án là anh Đ1 phải chịu án phí 300.000 Đ là không đúng với quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự “*Điều 268 quy định sửa chữa khi P hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai*”. Về chi phí tố tụng bản án sơ thẩm buộc anh Đ1 chịu toàn bộ chi phí tố tụng là không đúng quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét các nội dung quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Ngoài ra Bản án còn vi phạm thủ tục tố tụng như:

Vụ án thụ lý ngày 26/10/2021, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải ngày 04/3/2022, ngày 04/4/2023 anh Lê Thanh Đ1 nộp đơn phản tố và ngày 13/4/2022 thẩm phán thụ lý yêu cầu phản tố của anh Đ1 là vi phạm khoản 3 Điều 200 Bộ luật TTDS (Thụ lý yêu cầu phản tố sau phiên họp và hòa giải và thẩm không tiến hành hòa giải phản yêu cầu phản tố).

Quá trình tố tụng bà Lê Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xem xét được hưởng di sản của ông Lê Tấn P theo quy định pháp luật. Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, bà T2 đã nộp 300.000 Đ tiền tạm ứng án phí và nộp biên lai thu tạm ứng án phí, nhưng thẩm phán không ra thông báo gì đối với yêu cầu của bà T2, nhưng bản án tuyên chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Lê Thị T2 đối với di sản của ông Lê Tấn P Đ1 lại là căn nhà (gồm nhà chính, nhà phụ) cho các hàng thừa kế của ông P là bà Nguyễn Thị Đ và 05 người con ông P gồm: Lê Thị L, Lê Thành T1, Lê Thị H, Lê Thanh H1 và Lê Thị T2.

Tại biên bản xác minh mối quan hệ gia đình ngày 15/9/2023, bà Nguyễn Thị Đ xác định: Ông Lê Tấn P, sinh năm 1931 (chết năm 2006). Bà Đ và ông P chung sống với nhau có 11 người con chung gồm: (1) Lê Thị H2 (không nhớ năm sinh) chết năm 2018, chồng là Nguyễn Văn Thông (chết năm 2009), bà H2 có 05 người con: Lê Văn Thanh, sinh năm 1975, Nguyễn Thị Thu Thủy, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh năm 1989, Nguyễn Thanh Hải, sinh năm 1991 và Nguyễn Thanh Việt, sinh năm 2000, tất cả đang sinh sống tại Bạc Liêu, không rõ địa chỉ. (2) Lê Thị L (chết lúc 3 tuổi); (3) Lê Thị L (tên thường gọi là Lan), sinh năm 1959. Ngụ khóm 7, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (4) Lê Thanh Tòng (là liệt sĩ, hy sinh năm 1978 tại Campuchia); (5) Lê Thành T1, sinh năm 1963. Ngụ khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh

Bạc Liêu. (6) Lê Thành C1, sinh năm 1969 (chết năm 2015), có vợ là Nguyễn Thị H, ngụ khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai. Ông C1 có 02 người con là Lê Thị Lướt và Lê Thị Ngân (chết 2023, khoảng 04 tháng nay); (7) Lê Thanh T3, sinh năm 1971 (chết năm 2014, không có vợ con). (8) Lê Thị H, sinh năm 1974, ngụ khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (9) Lê Thanh H1, sinh năm 1977. Ngụ khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (10) Lê Thị T2, sinh năm 1989. Ngụ khóm 7, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (11) Lê Thanh N, sinh năm 1983 (chết năm 2001, có vợ, chưa có con, không nhớ vợ tên gì, ở đâu).

Như vậy, bà Lê Thị H2, ông Lê Thành C1 chết sau ông Lê Tấn P và có chồng, có vợ và con nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy những sai sót nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên phải cần hủy bản án giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Do hủy án sơ thẩm nên Hội Đ xét xử không xem xét về nội dung kháng cáo của bị đơn Lê Thanh Đ1.

[4] Từ nhận định trên, Hội Đ xét xử có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Thanh Đ1 không phải chịu.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Hủy bản án sơ thẩm số 39/2023/DS-ST, ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Anh Lê Thanh Đ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho anh Đ1 300.000 Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014852, ngày 03/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tân